

Số: 423/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 18 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết đối với 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 117/TTr-SNNPTNT ngày 14/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 1766/QĐ-BNN-TCLN ngày 26/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Sửa đổi Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 423 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh						
01	3.000160.000.00.00.H21	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 13 ngày làm việc 	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Địa chỉ: số 69 Hùng Vương - Tp.Pleiku - tỉnh Gia Lai.	Không	Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
1. Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm PVHCC tỉnh tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Chi cục Kiểm lâm).	02 giờ	Bưu điện tỉnh		Nhân viên Bưu điện tỉnh tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử xuất phiếu hẹn ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Trả lời tính đầy đủ của thành phần hồ sơ (trả lời ngay khi nộp hồ sơ trực tiếp; 01 ngày khi nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện hoặc qua môi trường điện tử).

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
2	Bước 2	Thẩm định	Chi cục Kiểm lâm	04 ngày (đối với trường hợp không phải xác minh)			Cán bộ, công chức chuyên môn thuộc Chi cục Kiểm lâm đối chiếu quy định hiện hành tham mưu Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.
				10 ngày 04 giờ (đối với trường hợp phải xác minh)			
3	Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	04 giờ (đối với trường hợp không phải xác minh)			Xem xét, phê duyệt Phân loại doanh nghiệp trên hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.
				02 ngày (đối với trường hợp phải xác minh)			
4	Bước 4	Trả kết quả	Trung tâm PVHCC tỉnh (quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	02 giờ	Bưu điện tỉnh		Văn thư Chi cục ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả đính lên hệ thống điện tử. Kết quả gửi văn thư lưu, giao TTPVHCC (quầy Sở Nông nghiệp và PTNT). Nhân viên Bưu điện tỉnh

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
							tại quầy Sở Nông nghiệp và PTNT lưu hồ sơ, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.
Tổng cộng				<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc (đối với trường hợp không phải xác minh) - 13 ngày làm việc (đối với trường hợp phải xác minh) 			